|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1  **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  **HUỲNH KHƯƠNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  **--------------------**  *Quận1, ngày 19 tháng 9 năm 2021* |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN 9**

(Thời gian từ 20/ 9/2021-03/10/2021)

**TUẦN 3 - CHỦ ĐỀ**

**PHẦN 1: VĂN BẢN**

**TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

**( khuyến khích tự đọc)**

I. Đọc - hiểu chú thích

Văn bản này được trích từ “Tuyên bố của Hội nghi cấp cao thế giới về trẻ em” trong sách “Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em”- tài liệu của Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội 1997.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Kiểu loại: Văn bản nhật dụng dạng nghị luận chính trị xã hội.

2. Bố cục: 4 phần

- Mở đầu

- Sự thách thức

- Cơ hội

- Nhiệm vụ

3. Phân tích

3.1. Phần mở đầu

- Nêu vấn đề trực tiếp.

- Khẳng định quyền được sống hạnh phúc, được phát triển toàn diện và lành mạnh của trẻ em.

3.2. Sự thách thức

- Số liệu cụ thể, dẫn chứng toàn diện.

- Tình trạng bị rơi vào hiểm họa, cuộc sống khổ cực về nhiều mặt của trẻ em trên toàn thế giới đang là sự thách thức lớn lao đối với toàn nhân loại.

3.3. Cơ hội

Tình hình cải thiện về mặt chính trị, quân sự, kinh tế là những cơ hội khả quan bảo đảm cho công ước về quyền trẻ em được thực hiện.

3.4. Nhiệm vụ

- Lời văn dứt khoát, rõ ràng.

- Nhiệm vụ đề ra rất cụ thể, toàn diện và rất cấp bách; đòi hỏi sự hợp tác quốc tế đối với việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

III. Tổng kết

- Văn bản có hình thức trình bày theo kiểu văn bản hành chính.

- Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em là vấn đề:

+ Quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa toàn cầu.

+ Là một vấn đề mà qua đó có thể đánh giá trình độ văn minh của một xã hội.

+ Được cộng đồng quốc tế quan tâm thích đáng với các chủ trương nhiệm vụ đề ra có tính cụ thể, toàn diện.

IV. Luyện tập

Phát biểu nhận thức của em về vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

**-----------------------------------------------------------------------------------------------**

**CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG.**

**( Trích Truyền kì mạn lục - Nguyễn Dữ )**

1. **Đọc hiểu chú thích**

**1. Tác giả.**

- Nguyễn Dữ quê ở Hải Dương, là học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm, sống vào thế kỉ XVI khi xã hội phong kiến trên con đường suy vong.

**2. Tác phẩm.**

- Thuộc thể loại truyện truyền kì. Viết bằng chữ Hán, có nguồn gốc từ truyện cổ dân gian,gồm 20 truyện

- Nhân vật chính thường là người phụ nữ có phẩm hạnh cao đẹp nhưng cuộc đời gặp nhiều bất hạnh.

- Truyện thường có yếu tố hoang đường.

\* Chuyện người con gái Nam Xương là truyện thứ mười sáu trong số hai mươi truyện.

**II. Đọc- hiểu văn bản .**

**1. Đọc - chú thích**

**2. Bố cục:** 3 phần

+ Đoạn 1: (từ đầu đến “*như đối với mẹ đẻ mình*”): Phẩm hạnh của Vũ Nương

+ Đoạn 2: (tiếp theo đến *“đó qua rồi”*): Nỗi oan khuất của Vũ Nương.

+ Đoạn 3: (phần còn lại): Vũ Nương được giải oan.

**->** Sắp xếp theo trình tự thời gian

+ Nhân vật :- Nhân vật chính : Vũ Nương

- Nhân vật phụ: Trương Sinh, Mẹ Trương Sinh, Con ; Phan Lang, Linh Phi ( N/V thần linh)

**\*Tóm tắt**

- Vũ Nương là một người phũ nữ đức hạnh vẹn toàn, chính vì vậy Trương Sinh đã bỏ ra một trăm lạng vàng để cưới nàng về làm vợ.

- Cuộc chiến tranh xẩy ra. Trương Sinh phải đi lính. Vũ Nương ở nhà sinh con, phụ dưỡng , lo ma chay cho mẹ chồng chu đáo.

- Chiến tranh kết thúc, Trương Sinh trở về, bi kịch hạnh phúc gia đình xẩy ra chỉ vì cái bóng vô tình.

- Vũ Nương đã phải chứng minh phẩm hạnh của mình bằng cái chết tại bến sông Hoàng Giang.

- Khi Trương Sinh hiểu ra sự thật, thấu hiểu nỗi oan của vợ thì đã quá muộn.

- Trương Sinh lập đàn thờ giải oan ,Vũ Nương chỉ hiện về trong giây phút với câu nói thật đau lòng rồi biết mất.

**2. Phân tích**

**2.1. Hình tượng nhân vật Vũ Nương**

- Người con gái thuỳ mị nết na, tư dung tốt đẹp.

-> Ngươi phụ nữ đức hạnh ven toàn.

+ Với chồng : Luôn giữ gìn khuôn phép, không để xẩy ra chuyện thất hoà. Ước mơ cuộc đời bình dị khi chồng ra chiến trận. Một lòng thuỷ chung chờ chồng, nuôi con.

+ Với con : Người mẹ hiền, thương con, đảm đang, lo toan vọi công việc gia đình.

+ Với mẹ chồng : Lo thuốc thang, động viên khi mẹ ốm đau và lo chuyện ma chay tế lễ chu đáo khi mẹ qua đời.

🡪 Người mẹ thương con, người vợ thuỷ chung và là một nàng dâu hiếu thảo.

=> Vũ Nương mâng đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam

\*NT:- Tác giả kết hợp kể xen lẫn với lời của nhân vật

- Lời nói của nhân vật có tính ước lệ tượng trưng,có vần nhịp theo lối văn biền ngẫu (Đây là nét tiêu biểu của văn học trung đại)

**2.2. Bi kịch hạnh phúc**

\* Bi kịch : Bé Đản không nhận Trương Sinh là cha

- Chi tiết cái bóng là điểm khởi đầu tạo nên bi kịch.

- Trương Sinh hành hạ ruồng rẫy vợ, bỏ qua mọi lời phân trần của vợ cuãng như hàng xóm.

- Vũ Nương tự vẫn bên bến sông Hoàng Giang để minh oan cho chính mình.

\* Nguyên nhân :

- Trương Sinh cả ghen, đa nghi.

- Con dại vô tình hại mẹ.

- Chiến tranh dẫn đến gia đình li tán.

- Xã hội phong kiến đọc đoán nam quyền.

- Vũ Nương yếu đuối , mất đi ý thức cá nhân vì lễ giáo phong kiến hà khắc.

🡪 Trong xã hội phong kiến cái chết là tất yếu đối với người phụ nữ cho dù họ có đầy đủ phẩm hạnh cao đẹp và khát vọng được sống hạnh phúc.

**2.3. Yếu tố kì ảo**

- Chi tiết kì ảo :

+ Vũ Nương sống dưới thuỷ cung, gặp người làng là Phan Lang.

+ Vũ Nương trở về trong giây phút vời câu nói “ *Đa tạ....được nữa.* ”...

- Tác dụng :

+ Làm cho câu chuyện thêm li kì hấp dẫn

+ Truyện trở nên có hậu khi kết thúc.

+ Tăng ý nghĩ triết lí, tố cáo bản chất đen tối của xã hội phong kiến đã đẩy người phụ nữ tới cuộc đời bất hạnh.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật.**

- Bố cục chặt chẽ.

- Tình huống truyện hấp dẫn li kì.

Sử dụng thành công yếu tố kì ảo hoang đường.

**2. Nội dung.**

- Tác phẩm là bản án đanh thép tố cáo bản chất vô nhân đạo của xã hội phong kiến .

- Ngợi ca phẩm chất, tâm hồn cao đẹp của người phụ nữ.

- Thái độ cảm thông chân thành của nhà văn.

🡪 Giá trị nhân đạo của tác phẩm.

**IV. Luyện tập:**

Bài tập 1: Túm tắt truyện bằng một đoạn văn có độ dài từ 10-15 câu.

HD: Tìm ý: Ghi lại các ý chính của văn bản sau đó viết thành đoạn văn.

HS trình bày theo nhóm và GV chữa bài tại lớp.

Bài tập 2: Đọc bài thơ “ *Lại bài viếng Vũ Thị*” của Lê Thánh Tông và viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về bài thơ trên?

**HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

***(Hồi thứ mười bốn)***

***(Ngô gia văn phái)***

**I. Đọc hiểu chú thích**

**1. Tác giả:**

- Ngô gia văn phái, nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì, trong đó có 2 tác giả chính: Ngô Thì Chí (1758-1788) và Ngô Thì Du (1772-1840).

- Quê: Thanh Oai-Hà Tây(HN).

**2. Tác phẩm:**

- Viết bằng chữ Hán, ghi chép về sự thống nhất vương triều Lê vào thời Tây Sơn diệt Trịnh trả Bắc Hà cho vua Lê (TK XVIII-XIX).

- Tiểu thuyết lịch sử chương hồi, có 17 hồi.

- Hồi 14 kể chuyện Quang Trung - Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh mùa xuân năm 1789.

**II. Đọc hiểu văn bản:**

**1. Thể loại:**

- Tiểu thuyết lịch sử chương hồi viết bằng chữ Hán. Phương thức tự sự

**2. Bố cục:**

- Đoạn 1 (từ đầu🡪*hôm ấy là ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân 1788)*: Quân Thanh chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế cầm quân dẹp giặc.

- Đoạn 2 (*Vua QT tự mình đốc suất đại binh 🡪 rồi kéo vào thành*): Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của QT.

- Đoạn 3 (còn lại): Hình ảnh thất bại thảm hại của bọn xâm lăng và lũ vua quan bán nước.

**3. Phân tích**

***3.1.* Hình ảnh Quang Trung - Nguyễn Huệ:**

- Nghe tin cấp báo, Nguyễn Huệ rất giận, định kéo quân ra Bắc.

- Lên ngôi Hoàng đế.

- Đốc suất đại binh ra Bắc.

- Tuyển binh,duyệt binh ở Nghệ An.

- Phủ dụ tướng sĩ, hoạch định kế hoạch đánh giặc.

🡪 Bình tĩnh, hành động nhanh, kịp thời, mạnh mẽ, quyết đoán.

- Lời phủ dụ quân lính: kích động lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu của quân sĩ, khẳng định chủ quyền, vạch trần dã tâm của giặc, kêu gọi đồng tâm hiệp lực 🡪 lời hịch ngắn gọn, hào hùng.

- Sáng suốt trong việc xét đoán, dùng người, hiểu bề tôi, độ lượng, công minh.

- Nhìn xa trông rộng, ý chí quyết thắng.

⇨ Nhà lãnh đạo chính trị quân sự thiên tài, xuất chúng.

- Cuộc hành quân thần tốc:

+ 25/12 xuất quân từ Phú Xuân 🡪 5/1 ăn tết ở Thăng Long (Vượt khoảng 600 km núi đèo).

+ Đội quân lớn, đi nhanh, an toàn,bí mật, vượt thời gian quy định (2 ngày).

+ Hành quân bằng chân, cáng, võng liên tục, chỉnh tề.

⇨ Bậc kì tài trong việc dùng binh, bí mật, thần tốc, bất ngờ.

- Thân chinh cầm quân, hoạch định phương lược tiến đánh, tổ chức quân sĩ, thống lĩnh đại quân, cưỡi voi ra trận...

⇨QT oai phong lẫm liệt, oai hùng hiếm có trong lịch sử.

***3.2.* Hình ảnh bọn xâm lược và lũ tay** **sai bán nước:**

***a. Bọn quân tướng nhà Thanh:***

- Tôn Sĩ Nghị bất tài, kiêu căng, chủ quan, chỉ lo yến tiệc vui chơi.

- Sầm Nghi Đống thua trận, nhục nhã, thắt cổ tự tử.

- Quân Tây Sơn tiến đánh, tướng sợ mất mật, bỏ chạy qua cầu phao sông Hồng lên hướng Bắc.

- Quân sĩ hoảng loạn, tranh nhau qua cầu, xô nhau xuống sông mà chết.

***b. Bọn vua tôi Lê Chiêu Thống:***

- Cõng rắn cắn gà nhà, mưu cầu lợi ích riêng.

- Chịu nỗi sỉ nhục của kẻ đi cầu cạnh, van xin.

- Chịu số phận bi thảm của kẻ vong quốc.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật:** Lối văn trần thuật kể chuyện xen kẽ miêu tả sinh động, cụ thể, gây ấn tượng mạnh.

**2. Nội dung:**

- Quan điểm lịch sử đúng đắn, lập trường dân tộc.

- Tái hiện sinh động, chân thực hình ảnh anh hùng dt Nguyễn Huệ qua cuộc tấn công thần tốc đại phá quân Thanh.

- Sự thảm bại của quân tướng Thanh, số phận bị đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

**TUẦN 4 - PHẦN 2: TIẾNG VIỆT, LÀM VĂN**

**CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (Tiếp)**

**(Khuyến khích tự học)**

I. Bài học

1. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp:

Việc vận dụng các phương châm hội thoại cần phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp (Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu? Nói để làm gì?).

2. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.

Việc tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân sau:

- Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp.

- Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn.

- Người nói muốn gây một sự chú ý, để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó.

II. Luyện tập

Bài tập 1:

Câu trả lời của ông bố đã không tuân thủ phương châm cách thức vì: Một cậu bé năm tuổi sẽ không thể biết thế nào là “*Tuyển tập truyện ngắn*” và càng không biết Nam Cao là ai. Câu trả lời này có thể rất rõ ràng nếu là nói với một HS lớp 8, lớp 9 nhưng với cậu bé năm tuối thì không. Cần có một cách nói rõ ràng hơn, ví dụ: “*Quả bóng nằm ngay dưới cuốn sách dầy kia kì*a”.

Bài tập 2:

Thái độ và lời nói của Chân, Tay, Tai, Mắt đã vi phạm phương châm lịch sự trong giao tiếp. Việc không tuân thủ ấy không có lí do chính đáng vì đó chỉ là cơn giận dữ, là hành động thiếu suy nghĩ của những nhân vật này.

**------------------------------------------------------------------------------------------------**

**XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI.**

**( khuyến khích tự học)**

**I. Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô:**

**Ví dụ:**

a/ Từ ngữ xưng hô: tôi, tao, tớ, mình, chúng tôi, chúng tao, chúng tớ, chúng mình, mày, mi, no, hấưn, chúng may, chúng nó, họ , anh, em, chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, ông ấy, bà ấy, cô ấy...

+ Cách dùng:

- Ngôi thứ nhất.

* Ngôi thứ hai.
* Ngôi thứ ba.
* Suồng sã: mày, tao....
* Thân mật: anh , chị ,em...
* Trang trọng: quý ông, quý bà, quý cô, quý vị...

=> TV có hệ thống từ xưng hô đa dạng và phong phú,ngoài việc dùng để xưng hô chúng còn dùng để bộc lộ cảm xúc, tháI độ của người nói.

b/ + Đoạn 1:

- Dế Chắt xưng hô: anh – em.

- Dế Mèn xưng hô: ta – chú mày

Đó là cách xưng hô bất bình đẳng.

- Dế choắt thì có mặc cảm thấp hèn;

- Dế Mèn thì ngạo mạn, hách dịch.

+ Đoạn 2: Cả hai nhân vật đều xưng hô là : tôi và anh. Đây là cách xưng hô bình đẳng🡪 Dế mèn thì không còn ngạo mạn, hách dịch nữa vì đã nhận ra “tội ác” của mình; còn Dế Choắt hết mặc cảm hèn kém, sợ hãi

\* Tiếng Việt có một hệ thống từ ngữ xưng hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm.

\* Người nói cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp.

**II. Luyện tập:**

**Bài tập 1:**

Nhầm ***chúng ta*** với ***chúng em*** hoặc ***chúng tôi.***

- Chúng ta: gồm những người nói và người nghe.

- Chúng em, chúng tôi: không gồm ngươì nghe.

**Bài tập 2:**

Xưng hô ***chúng tôi*** mà không xưng ***tôi*** là để thể hiện sự khách quan, khiêm tốn.

**Bài tập 3:**

- Chú bé gọi người sinh ra minh là ***mẹ*** là cách gọi thông thường.

- Nhưng xưng hô với sứ giả thì dùng ***ta - ông.*** Cách xưng hô như vậy cho thấy Thánh Gióng là cậu bé khác thường.

**Bài tập 4:**

- Vị tướng là người “tôn sư trọng đạo” nên vẫn xưng hô với thày giáo cũ của mình là ***thày*** và ***con***.

- Người thày lại rất tông trọng địa vị hiện tại của người học trò cũ nen gọi là ***ngài***

- đó là cách đối nhân xử thế rất thấu tình, đạt lí.

**Bài tập 5**:

-Trước Cách mạng, thực dân xưng hô:... – có thái độ miệt thị.

- Vua xưng hô:... – Sự ngăn cách ngôi thứ rõ ràng.

- Cách xưng hô của Bác Hồ gần gũi, thân mật và thể hiện sự thay đổi về chất trong mối quan hệ giữa lãnh tụ cách mạng và quần chúng cách mạng.

**Bài tập 6:**

- Cai lệ là kẻ có quyền thế nên xưng hô trịnh thượng, hống hách.

- Chị Dậu là người thấp cổ bé họng nen xưng hô một cách nhún nhường. Sự thay đổi cách xưng hô của chị Dậu phản ánh những biến thái về tâm lí và những hành vi ứng xử trong một hoàn cảnh đang bị cường quyền bạo lực dồn đến bước đường cùng.

-----------------------------------------------------------------------------------------------

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**( khuyến khích tự học )**

**I. Bài học**

Có hai cách dẫn lời nói hay ý nghĩ của một người, một nhân vật:

**1. Cách dẫn trực tiếp:**

1, Phần in đậm ở ví dụ a, là lời nói được phát ra thành lời; Phần in đậm ở ví dụ b, là ý nghĩ trong đầu.

2, Dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

3. Có thể đảo được. Khi đảo cần thêm dấu gạch ngang để ngăn cách hai phần.

=> Kết luận : là nhắc lại nguyên văn lời nói, ý nghĩ của nhân vật ; phần trích đó phải đặt trong dấu ngoặc kép...

**2. Cách dẫn gián tiếp.**

1. a. Phần in đậm ở ví dụ a là lời nói.

b. Phần in đậm ở ví dụ b là ý nghĩ.

2. a. Không có dấu hiệu gì.

b. Có dấu hiệu là từ ***rằng***

3. Có thể đặt một trong hai từ đó trước từ ***hãy***

=>Kết luận: cách dẫn gián tiếp là trích dẫn lời nói hay ý nghĩ một cách khái quát không nguyên vẹn,không đặt lời dẫn gián tiếp trong dấu ngoặc kép …

\*Ghi nhớ: SGK

**III. Luyện tập:**

**Bài tập 1:**

- Cả hai tình huống đều là cách dẫn trực tiếp.

- VD a, dẫn lời; b, dẫn ý.

**Bài tập 2.**

**Bài tập 3.**

Định hướng: ... dặn Phan nói với chàng Trương rằng nếu... vợ chàng( nàng) sẽ trở về.

-----------------------------------------------------------------------------------------------

**PHẦN 3: LÀM VĂN**

**BÀI VIẾT SỐ 1 VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**(Khuyến khích tự học)**

Đề : Thuyết minh về cây tre Việt Nam.

I. Yêu cấu chung

- Kiểu bài: Văn thuyết minh (có kết hợp yếu tố nghệ thuật và miêu tả).

- Đối tượng thuyết minh: Cây tre Việt Nam.

II. Yêu cầu cụ thể

1. Mở bài

Cây tre là hình ảnh quen thuộc ở làng quê Việt Nam.

«  *Tre xanh xanh tự bao giờ?*

*Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh* »

2. Thân bài

a. Nguồn gốc: Có từ lâu đời.

b. Đặc tính:

- Không kén đất, thường được trồng ở nơi đất xấu, cằn cỗi, bên bờ cõi, góc ao…

*“Ở đâu tre cũng xanh tươi*

*Cho dù đất sỏi đất sỏi đất vôi bạc màu*”

- Sức sống dẻo dai, mãnh liệt, dễ sống.

- Mọc thành từng khóm, có nơi tre mọc thành rừng.

c. Hình dáng

- Thân tre:

+ Màu xanh nhạt.

+ Gầy, cao, thẳng, nhẵn.

+ Có đốt, mắt, rỗng giữa, vỏ dầy.

- Cành (Tay tre): nhỏ, nằm ở nửa trên của thân tre, đan xen quấn quít lấy nhau.

- Lá tre: Màu xanh, mỏng manh, có lớp lông mao trên bề mặt, cạnh sắc.

Lá non: màu xanh nhợt, búp quận lại. Khi già lá có màu vàng, lúc khô lá có màu trắng bạc.

- Gốc tre: Rễ chùm nhiều rễ bám vào nhau, ăn sâu xuống đất (hút nước, chất dinh dưỡng, giúp cây đứng vững).

d. Sinh sản

- Nhanh, nhiều (từ gốc tre già).

- Cây tre non: Thẳng, hình búp măng, mọc ra từ thân cây mẹ.

- Cây măng: Có lớp bẹ (mo nang) dày bên ngoài, nhiều lông mao. Măng lớn thành tre thì lớp bẹ ngoài khô và bong dần đi.

c. Vai trò, ý nghĩa:

Có nhiều vai trò, tác dụng trong đời sống sinh hoạt, lao động, chiến đấu của con người.

- Tre già : làm kèo cột dựng nhà.

- Làm nhiều đồ dùng sinh hoạt và sản xuất: làm đòn gánh, đòn kéo bừa, làm giường, chõng, đan rổ, rá, thúng, mủng, tăm,...

- Tre làm thành lũy để ngăn lũ, chắn gió, cát, chống thiên tai.

- Làm vũ khí đánh giặc: gậy, chông.

- Đi vào thơ ca: «*Cây tre* » - Thép Mới, « *Tre Việt Nam* » - Nguyễn Duy, « *Truyện Thánh Gióng*»...

- Là biểu tượng của con người Việt Nam (Với nhiếu đức tính).

Hàng tre danh dự bên lăng Bác.

- Mo tre: Làm lớp lót nón, bền, dày, che nắng tốt, không bắt nhiệt.

- Măng tre: Nấu với cá, thịt vịt, xào với lòng gà, vịt làm gỏi, muối dưa.

- Cành, lá, gốc làm chất đốt.

3. Kết bài

Cây tre gần gũi thân thiết với con người Việt Nam. Tre giúp ích cho con người trong nhiều lĩnh vực đời sống, văn hóa, xã hội. Tre được phong anh hùng: « Anh hùng trong chiến đấu, anh hùng trong lao động ».

**---------------------------------------------------------------------------------------------**

**LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Sự cần thiết cuả việc tóm tắt văn bản tự sự.**

**Tìm hiểu các tình huống**.

\* Tình huống 1: Kể lại diễn biến của bộ phim... để người không đi xem nắm được. Do đó người kể phải bám sát nhân vật chính và cốt truyện trong phim.

\* Tình huống 2: Phải trực tiếp đọc tác phẩm trước khi hoc, do đó, khi đã tóm tắt được tác phẩm thì người học sẽ có hứng thú hơn trong phần đọc hiểu và phân tích.

\* Tình huống 3: Kể tóm tắt tác phẩm văn học mà mình yêu thích. Yêu cầu: phải trung thực với cất truyện, khách quan với nhân vật, hạn chế những thêm thắt không cần thiết hoặc những lời bình chủ quan, dài dòng.

\* *Mục đích của việc tóm tắt văn bản tự sự*:

Tóm tắt văn bản tự sự làm cho người đọc, người nghe nắm được nội dung chính của văn bản đó

**\*** *Cách tóm tắt văn bản tự sự***:**

- Đọc kĩ, hiểu chủ đề tác phẩm.

- Xác định nội dung chính.

- Sắp xếp nội dung chính theo một trình tự hợp lí.

- Viết văn bản tóm tắt bằng lời văn của mình.

**II. Thực hành tóm tắt văn bản tự sự.**

1. Bài 1 ( 58)

- Truyện có 7 sự việc khá đầy đủ.

- Thiếu 1 sự việc quan trọng: Một đem Trương Sinh cùng con ngồi bên đèn đứa con chỉ cái bóng trên tường bảo đó là cha mình - > làm chàng hiểu vợ bị oan. Chàng hiểu ra ngay sau khi vợ chết. Chứ không phải đợi đến khi nghe Phan Lang kể lại.

2. Tóm tăt văn bản " chuyện người con gái Nam Xương":

- Văn bản tóm tắt phải ngắn gọn, những

chi tiết, sự kiện được lựa chọn phải được

tổ chức thành chỉnh thể thống nhất.

**III. Luyện tâp.**

**1- Bài tập 1 (59)**

a) *“Tắt đèn”*

*b) “Chiếc lá cuối cùng”*